TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ** Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST Ngày: 19 - 8- 2024 *"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Khương và bà Võ Thị Trúc Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu phố Đại A, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

Chỗ ở hiện nay: Thôn M7, xã Lộc A, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng, *vắng mặt.*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiểu L, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Khu phố Đại A, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Trường trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Tiểu L kết hôn với nhau vào ngày 04/4/2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 4/2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh L sử dụng ma túy, cờ bạc mặc dù chị Tr khuyên bảo và tha thứ nhưng anh L không chịu sửa đổi. Anh L còn quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, công khai trước mặt chị Tr và bỏ đi sống với người phụ nữ đó. Trong cuộc sống anh L không có trách nhiệm gì với con cái. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh L, chi Tr có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 30/10/2018 và Nguyễn Ngọc An Nh, sinh ngày 13/4/2021. Chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con; không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 23/7/2024, bị đơn anh Nguyễn Tiểu L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh L thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh L xin thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 30/10/2018; giao cháu Nguyễn Ngọc An Nh, sinh ngày 13/4/2021 cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh L.

+ Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Lê Trung H và Nguyễn Ngọc An Nh cho chị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xem xét việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lê Thị Tr và bị đơn anh Nguyễn Tiểu L đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị Tr.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của anh L, chị Tr cũng như qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì xác định được trong thời gian chung sống vợ chồng anh L, chị Tr có phát sinh mâu thuẫn và hiện tại đã sống ly thân không có khả năng hàn gắn. Tại phiên tòa anh L, chị Tr vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh L, chị Tr thể hiện nguyện vọng xin được ly hôn. Thấy rằng vợ chồng

anh L, chị Tr không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L và chị Tr.

2.2 *Về con chung:* Anh L xin nuôi cháu Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 30/10/2018 nhưng không giao nộp chứng cứ để chứng minh điều kiện nuôi con theo yêu cầu của Tòa án. Theo thông tin cung cấp từ chính quyền địa phương, ý kiến của mẹ ruột anh L thì trong cuộc sống hai con của anh L, chị Tr là do chị Tr chăm lo. Thời gian trước chị Tr vào Lâm Đồng làm việc nên gửi cháu Nguyễn Lê Trung H cho mẹ anh L chăm sóc và hàng tháng gửi tiền cho mẹ anh L để nuôi cháu. Hiện tại chị Tr đã đón cháu H vào Lâm Đồng, đã làm thủ tục nhập học cho cháu H vào lớp 1- Trường tiểu học Nguyễn Trãi xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ chị Tr giao nộp thấy chị Tr đủ điều kiện về các mặt như chỗ ở, thu nhập để đảm bảo điều kiện nuôi con. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị Tr giao 02 cháu Nguyễn Lê Trung H và Nguyễn Ngọc An Nh cho chị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý. Chị Tr không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 *Về án phí:* Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1**.** *Về quan hệ hôn nhân***:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Tiểu L.

2. *Về con chung***:** Xử giao các cháu Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 30/10/2018 và Nguyễn Ngọc An Nh, sinh ngày 13/4/2021 cho chị Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Tr không yêu cầu anh Long phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Tr phải chịu 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000394 ngày

09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Tr được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

- Bị đơn anh Nguyễn Tiêu L phải chịu 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- UBND TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; tổ HC -TP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hải Yến